

Tư tưởng của Cesare Beccaria về tội phạm và hình phạt

Nguyễn Duy Hậu

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Email liên hệ: duyhau1082003@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết này phân tích những tư tưởng triết học nền tảng của Cesare Beccaria trong tác phẩm kinh điển "*Bàn về tội phạm và hình phạt*". Dựa trên các nguyên tắc của Khế ước xã hội, chủ nghĩa vị lợi và lý trí thời kỳ Khai sáng, Beccaria đã đưa ra một cuộc cách mạng trong tư duy pháp luật hình sự. Ông lập luận rằng mục đích của hình phạt không phải là để trả thù hay hành hạ mà là để ngăn ngừa tội phạm, đảm bảo an ninh xã hội với cái giá là sự hy sinh phần tự do cá nhân nhỏ nhất có thể. Bài viết sẽ làm rõ các nguyên tắc cốt lõi mà Beccaria đề xuất, bao gồm nguyên tắc pháp quyền, tính tương xứng giữa tội phạm và hình phạt, tính nhanh chóng và chắc chắn của việc trừng phạt. Đồng thời, bài viết cũng tập trung vào sự phê phán mạnh mẽ của ông đối với án tử hình, việc tra tấn, và các thủ tục tố tụng bí mật, tàn bạo. Qua đó, khẳng định giá trị tiên phong và ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Beccaria đối với việc xây dựng các hệ thống tư pháp hình sự nhân đạo và hợp lý ngày nay.

Từ khóa: Cesare Beccaria, tội phạm, hình phạt, pháp quyền.

Cesare Beccaria's Philosophy on Crime and Punishment

Abstract: This article analyzes the foundational philosophical ideas articulated by Cesare Beccaria in his classic work, *On Crimes and Punishments*. Grounded in the principles of the Social Contract, utilitarianism, and Enlightenment reason, Beccaria initiated a revolution in criminal law thinking. He argued that the purpose of punishment is not retribution or torture but the prevention of crime, ensuring social security at the cost of the smallest possible sacrifice of individual liberty. This paper will elucidate the core principles Beccaria proposed, including the rule of law, the proportionality between crime and punishment, and the swiftness and certainty of punishment. It also focuses on his powerful critique of the death penalty, torture, and secret, brutal judicial procedures. In doing so, the article affirms the pioneering value and profound influence of Beccaria's thought on the development of humane and rational criminal justice systems today.

Keywords: Cesare Beccaria, crime, punishment, rule of law.

Ngày nhận bài: 29/8/2025; **Ngày phản biện:** 29/9/2025; **Ngày duyệt đăng:** 10/12/2025

1. Đặt vấn đề

Giữa thế kỷ 18, nền tư pháp hình sự châu Âu chìm trong bóng tối của sự tàn bạo, bất công và phi lý. Hệ thống pháp luật lúc bấy giờ là một mê cung hỗn loạn của luật La Mã, di sản Trung cổ và các quy tắc địa phương chông chéo, trao cho thẩm phán quyền diễn giải tùy tiện, dung dưỡng cho nạn lạm dụng quyền lực và tham nhũng lan tràn. Bị cáo thường bị mặc định là có tội ngay từ đầu, bị tước đi mọi quyền bảo vệ trong một cơ chế tố tụng hà khắc và man rợ.

Trong bối cảnh đó, tác phẩm *Dei delitti e delle pene* (*Bàn về Tội phạm và Hình phạt*) của Cesare Beccaria, ra đời năm 1764, đã bùng sáng như một ngọn đuốc của lý trí và nhân đạo. Đây không chỉ là một cuốn sách mà là một tuyên ngôn cải cách, một lời kêu gọi áp dụng các giá trị của thời đại Khai sáng-lý tính, lòng khoan dung, và pháp quyền-vào lĩnh vực luật pháp. Tác phẩm kết tinh từ những cuộc tranh luận sôi nổi của "Accademia dei Pugni" (Học viện của những quả đấm), một nhóm trí thức trẻ cấp tiến ở Milan, nơi Beccaria và những người bạn đã hấp thụ và phát triển tư tưởng từ các triết gia vĩ đại như Montesquieu và Rousseau.

Nền tảng tư tưởng của Beccaria được xây dựng trên hai trụ cột vững chắc: thuyết Khế ước xã hội và chủ nghĩa vị lợi. Từ Khế ước xã hội, ông khẳng định quyền lực nhà nước phải đến từ sự đồng thuận của người dân. Từ chủ nghĩa vị lợi, ông định nghĩa lại mục đích của hình phạt: không phải để trả thù, mà là để ngăn ngừa tội phạm vì hạnh phúc của số đông. Với niềm tin sắt đá vào lý trí, Beccaria đã cất lên tiếng nói đanh thép chống lại tra tấn, xét xử bất bình đẳng, và đặc biệt, ông là một trong những người tiên phong xây dựng lập luận toàn diện nhất để bãi bỏ án tử hình.

2. Nguồn gốc, bản chất và mục đích của pháp luật và hình phạt

2.1. Khế ước xã hội và nguồn gốc của quyền trừng phạt

Cesare Beccaria, một trong những nhà tư tưởng vĩ đại của thời kỳ Khai sáng, đã kiến tạo một lý thuyết đột phá về luật hình sự, bám rễ vào nền tảng triết học của Khế ước xã hội và chủ nghĩa vị lợi. Kiệt tác "Bàn về Tội phạm và Hình phạt" (*Dei delitti e delle pene*) xuất bản năm 1764 của ông vừa là lời công kích đanh thép vào hệ thống tư pháp tàn bạo đương thời, vừa đặt nền móng cho một nền pháp luật hình sự hiện đại, nhân đạo và hợp lý (Monachesi, 1956). Lý thuyết của ông không xuất phát từ những khái niệm siêu hình hay thẩm quyền thần thánh, mà từ một sự phân tích duy lý về bản chất con người và xã hội, nhằm lý giải cho sự tồn tại và tính chính danh của quyền lực nhà nước trong việc trừng phạt (Carpenter, 2010).

Nền tảng trong tư tưởng của Beccaria là học thuyết Khế ước xã hội, một lý thuyết được phát triển bởi các nhà khai sáng như Hobbes, Locke và đặc biệt là Rousseau, người có ảnh hưởng sâu sắc đến ông (Monachesi, 1956; Sassi, 2024). Ông phân tích rằng con người ở trạng thái tự nhiên, mệt mỏi vì "tình trạng chiến tranh liên miên" và "sự tự do trở nên vô dụng", đã tự nguyện liên kết lại. Họ chấp nhận "hy sinh một phần tự do của mình để hưởng phần còn lại trong an ninh và yên ổn" (Beccaria, 1767, 5). Đây là một sự đánh đổi duy lý, vị lợi nhằm bảo vệ lợi ích cá nhân, và là nền tảng cho quyền lực nhà nước.

Beccaria làm rõ: sự hy sinh tự do không phải là hành động vị tha vì một "lợi ích chung" trừu tượng nào đó, bởi lẽ "chẳng ai cho đi thứ gì mà không nhận lại được gì cả" (Beccaria, 2014); ngược lại, đó là một hành động hoàn toàn duy lý và vị lợi, xuất phát từ nhu cầu bảo vệ lợi ích cá nhân. Từ sự hy sinh tự nguyện này, một quyền lực chung được hình thành. Beccaria giải thích: "Tổng hợp của tất cả các phần tự do nhỏ nhất này, được mỗi cá nhân hy sinh vì lợi ích của chính mình, tạo nên chủ quyền của một quốc gia, và người đứng đầu là người được ủy thác hợp pháp để quản lý và điều hành chúng" (Beccaria, 1767, 5-6). Chính từ đây, quyền trừng phạt của nhà nước mới nảy sinh. Quyền này không phải là một đặc quyền tự nhiên của kẻ mạnh, mà là một quyền lực được ủy thác, có nguồn gốc từ chính sự cần thiết phải bảo vệ "kho tàng chung" (*public liberty*) là sự an toàn và tự do của mọi thành viên trong xã hội khỏi sự xâm phạm của bất kỳ cá nhân nào (Beccaria, 1767, 7). Do đó, quyền trừng phạt bị giới hạn một cách nghiêm ngặt bởi chính mục đích khai sinh ra nó. Beccaria, chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Montesquieu, đã đưa ra một nguyên tắc nền tảng: "Mọi hành vi quyền lực của người này đối với người khác mà không xuất phát từ sự cần thiết tuyệt đối đều là chuyên chế" (Beccaria, 1767, 7; Monachesi, 1956). Như vậy, quyền trừng phạt chỉ hợp pháp khi nó là phương tiện tối thiểu và cần thiết để duy trì trật tự xã hội và bảo vệ các điều khoản của khế ước. Nguyên tắc về "sự cần thiết tuyệt đối" này trở thành tiêu chuẩn cốt lõi để Beccaria đánh giá tính chính danh của mọi hình phạt. Nó không chỉ giới hạn quyền lực nhà nước mà còn mở đường cho việc phê phán các hình thức trừng phạt tàn bạo, vốn phổ biến thời bấy giờ, như sẽ được phân tích ở các phần sau. Bất kỳ sự trừng phạt nào vượt quá giới hạn của sự cần thiết này đều là một sự lạm dụng quyền lực, một hành vi chuyên chế chứ không phải công lý (Beccaria, 1767, 9).

2.2. Mục đích của hình phạt là ngăn ngừa tội phạm

Từ nền tảng về quyền trừng phạt, Beccaria tái định nghĩa triết để mục đích của hình phạt, đoạn tuyệt với quan niệm trả thù truyền thống. Ông tuyên bố dứt khoát: "Mục đích của hình phạt không phải là để hành hạ và làm đau đớn một sinh vật có cảm giác, cũng không phải để xóa bỏ một tội ác đã được thực hiện" (Beccaria, 1767, 42). Những tiếng la hét của một kẻ bất hạnh không thể nào đảo ngược được thời gian hay thu hồi những hành động đã qua (Beccaria, 1767, 43). Đây là một sự đoạn tuyệt mạnh mẽ với tư duy hình sự đương thời, vốn thường coi hình phạt như một sự trả đũa tương xứng với tội ác đã gây ra. Beccaria đã chuyển trọng tâm từ quá khứ (hành vi phạm tội) sang tương lai (ngăn ngừa tái phạm và răn đe người khác). Ông khẳng định mục đích không phải là "hành hạ và làm đau đớn" (Beccaria, 1767, 42), mà là "ngăn chặn tội phạm gây thêm thiệt hại... và để răn đe người khác không làm điều tương tự" (Beccaria, 1767, 43). Lý thuyết này mang tính phòng ngừa (cả riêng và chung) và dựa trên nguyên tắc vị lợi (Carpenter, 2010).

Lý thuyết của Beccaria về hình phạt hoàn toàn mang tính phòng ngừa, bao gồm cả phòng ngừa riêng (ngăn chặn chính người phạm tội tái phạm) và phòng ngừa chung (ngăn chặn những

người khác trong xã hội phạm tội) (Carpenter, 2010). Việc xác định mục đích hình phạt dựa trên nguyên tắc vị lợi (utilitarianism) - tối đa hóa lợi ích cho xã hội - là một đóng góp quan trọng của Beccaria. Hình phạt chỉ chính đáng khi nó mang lại lợi ích thực tế là giảm thiểu tội phạm, chứ không phải để thỏa mãn cảm giác báo thù hay thực thi một công lý trừu tượng. Để đạt được mục đích phòng ngừa chung một cách hiệu quả nhất, Beccaria cho rằng cần phải có một sự liên kết chặt chẽ và tức thời trong tâm trí con người giữa ý niệm về tội ác và ý niệm về hình phạt (Monachesi, 1956). Sự liên kết này càng mạnh mẽ và bền vững bao nhiêu thì sức răn đe của hình phạt càng lớn bấy nhiêu. Từ đó, ông đưa ra một nguyên tắc tối quan trọng: "Những hình phạt và phương pháp thi hành chúng phải được lựa chọn sao cho, trong sự tương xứng, sẽ tạo ra một ấn tượng hiệu quả và lâu dài nhất trong tâm trí con người, và ít gây đau đớn nhất cho cơ thể của người bị kết án" (Beccaria, 1767, 43). Nguyên tắc kép này - tối đa hóa hiệu quả răn đe tâm lý và tối thiểu hóa đau đớn thể xác - thể hiện rõ tinh thần nhân đạo và duy lý của Beccaria. Ông không phản đối sự nghiêm khắc, nhưng sự nghiêm khắc đó phải được tính toán dựa trên hiệu quả ngăn ngừa tội phạm, chứ không phải dựa trên mức độ tàn bạo thuần túy. Điều này đặt nền móng cho các cuộc cải cách hình sự hướng tới tính hiệu quả và nhân đạo hơn sau này.

3. Các nguyên tắc nền tảng của một hệ thống tư pháp hình sự công bằng

Để đạt được mục tiêu ngăn ngừa tội phạm một cách hiệu quả và nhân đạo, Cesare Beccaria đã đề xuất một hệ thống tư pháp vận hành dựa trên các nguyên tắc rõ ràng, hợp lý, tạo nên một cuộc cách mạng trong tư duy pháp luật hình sự thời Khai sáng. Thay vì dựa trên sự trả thù tàn bạo và quyền lực tùy tiện của chế độ cũ, Beccaria đã xây dựng một nền tảng triết học vững chắc cho một nền tư pháp hiện đại, nơi công lý được thực thi không phải để thỏa mãn sự căm phẫn mà để bảo vệ xã hội một cách lý tính và nhân văn. Các nguyên tắc này, bao gồm pháp quyền, tính tương xứng, và tính chắc chắn, nhanh chóng của hình phạt, đã trở thành những trụ cột không thể thiếu trong các hệ thống pháp luật hình sự tiến bộ trên toàn thế giới (Carpenter, 2010; Cadoppi, 2015). Chúng không chỉ là những đề xuất cải cách đơn thuần mà còn là sự kết tinh của một tầm nhìn sâu sắc về bản chất con người và xã hội, một tầm nhìn mà cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

3.1. Nguyên tắc pháp quyền: Pháp luật phải rõ ràng, công khai, không diễn giải tùy tiện

Nền tảng của toàn bộ hệ thống tư pháp mà Beccaria hình dung là nguyên tắc pháp quyền, một sự đoạn tuyệt dứt khoát với tình trạng hỗn loạn và độc đoán của nền tư pháp châu Âu thế kỷ 18 (Harcourt, 2014). Ông khẳng định một cách mạnh mẽ rằng quyền lực trừng phạt không thể nằm trong tay một cá nhân hay một nhóm người nào, mà phải được trao cho một thực thể duy nhất đại diện cho ý chí chung của toàn xã hội. Theo đó, "chỉ có luật pháp mới có thể xác định hình phạt cho tội phạm; và quyền làm luật hình sự chỉ có thể thuộc về nhà lập pháp, người đại diện cho toàn xã hội được thống nhất bởi khế ước xã hội" (Beccaria, 1767, 10). Luận điểm này tước bỏ quyền lực tùy tiện của các thẩm phán, vốn là một thực trạng phổ biến thời bấy giờ, khi các bản án thường phụ thuộc vào địa vị xã hội, sự giàu có của bị cáo hoặc tâm trạng nhất thời của người xét xử (Monachesi, 1956). Beccaria nhấn mạnh rằng vai trò của thẩm phán không phải là sáng tạo hay diễn giải luật pháp, mà chỉ đơn thuần là xác định một hành vi có vi phạm luật hay không (Beccaria, 1767, 13-14) bằng cách áp dụng một tam đoạn luận hoàn hảo: mệnh đề chính là luật chung, mệnh đề phụ là hành vi của cá nhân, và kết luận là sự tự do hoặc hình phạt (Beccaria, 1767, 14).

Beccaria đặc biệt lên án việc các thẩm phán dựa vào "tinh thần của luật pháp" để xét xử, bởi ông coi đó là cánh cửa mở ra sự độc đoán và bất công. Ông chỉ ra rằng, "không có gì nguy hiểm hơn nguyên tắc phổ biến: phải xem xét tinh thần của luật pháp. Đó là một con đê bị phá vỡ trước dòng lũ của các ý kiến" (Beccaria, 1767, 14). Tinh thần của luật pháp, theo ông, sẽ phụ thuộc vào logic tốt hay xấu của thẩm phán, vào những đam mê, vào địa vị của bị cáo, hay vào tất cả những yếu tố nhỏ nhặt có thể thay đổi diện mạo của sự vật trong tâm trí con người (Monachesi, 1956, 441). Để nguyên tắc pháp quyền được thực thi, luật pháp phải được công khai, rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi công dân. Beccaria cho rằng sự mơ hồ của luật pháp là một tai ương, bởi nó biến người dân thành nô lệ của một số ít người có đặc quyền diễn giải luật. Ông viết: "Luật pháp phải được viết bằng ngôn ngữ mà người dân có thể hiểu được; vì khi đó, tội phạm sẽ ít xảy ra hơn khi bộ luật được đọc và hiểu một cách phổ biến" (Beccaria, 1767, 18-19). Khi người dân hiểu rõ hậu quả hành vi của mình, sự cảm dỗ

của tội ác sẽ giảm đi đáng kể. Do đó, việc pháp điển hóa, công khai hóa và đơn giản hóa luật pháp là điều kiện tiên quyết để xây dựng một xã hội công bằng và an toàn.

3.2. Quan niệm về tội phạm - Thiệt hại xã hội là thước đo duy nhất

Một trong những cải cách nền tảng mà Beccaria đề xuất, và là tiền đề cho toàn bộ hệ thống tư pháp hình sự duy lý của ông, chính là việc tái định nghĩa bản chất và cách thức đo lường mức độ nghiêm trọng của tội phạm. Vào thời đại của ông, việc xác định tội trạng thường bị chi phối bởi những yếu tố chủ quan, tùy tiện hoặc dựa trên các quan niệm tôn giáo và đẳng cấp xã hội, dẫn đến sự bất công và hỗn loạn trong thực thi pháp luật. Beccaria nhận thấy rằng, trước khi có thể xây dựng một hệ thống hình phạt tương xứng và hiệu quả, cần phải thiết lập một thước đo khách quan và phổ quát cho chính tội phạm. Ông đã kiên quyết bác bỏ các tiêu chuẩn truyền thống và khẳng định một nguyên tắc mang tính cách mạng: "Tội phạm chỉ có thể được đo lường bằng sự tổn hại mà nó gây ra cho xã hội" (Beccaria, 1767, 36).

Beccaria chỉ ra sự sai lầm nghiêm trọng khi đánh giá tội phạm dựa trên ý định của người thực hiện hành vi (Beccaria, 1767, 36). Ông lập luận rằng, ý định là một trạng thái tâm lý bên trong, biến đổi không ngừng tùy thuộc vào "ấn tượng tức thời của các đối tượng lên giác quan, và vào khuynh hướng trước đó của tâm trí" (Beccaria, 1767, 36). Những yếu tố này thay đổi không chỉ giữa những người khác nhau mà còn ngay cả trong cùng một người ở những thời điểm khác nhau (Beccaria, 1767, 36). Việc dựa vào ý định sẽ dẫn đến sự bất khả thi trong việc xây dựng luật pháp, đòi hỏi "không chỉ một bộ luật riêng cho từng cá nhân, mà còn một luật hình sự mới cho mọi tội phạm" (Beccaria, 1767, 36). Hơn nữa, ông còn chỉ ra nghịch lý rằng, con người "thường với ý định tốt nhất, lại gây ra tổn hại lớn nhất cho xã hội, và với ý định xấu xa nhất, lại mang đến những lợi ích thiết yếu nhất" (Beccaria, 1767, 36), cho thấy sự không đáng tin cậy của việc lấy ý định làm thước đo tội phạm.

Tương tự, Beccaria cũng phản đối việc đo lường tội phạm dựa trên phẩm giá của người bị hại (dignity of the person offended) (Beccaria, 1767, 36). Ông cho rằng nếu phẩm giá là tiêu chuẩn, thì "sự bất kính nhỏ nhất đối với Đấng Thiêng liêng phải bị trừng phạt nghiêm khắc hơn vô hạn so với việc ám sát một vị vua" (Beccaria, 1767, 36), một hệ quả phi lý và dẫn đến một hệ thống công lý bất bình đẳng, nơi địa vị xã hội quyết định mức độ nghiêm trọng của tội phạm thay vì bản chất của hành vi.

Quan trọng hơn cả, Beccaria đã mạnh mẽ tách bạch lĩnh vực luật pháp hình sự ra khỏi các quan niệm về tội lỗi tôn giáo (Beccaria, 1767, 37). Ông lập luận rằng, mối quan hệ giữa người với người là "quan hệ bình đẳng", và công lý của con người chỉ nên dựa trên nền tảng "lợi ích công cộng", vốn nảy sinh từ sự cần thiết phải dung hòa "các đam mê và lợi ích cá nhân đối lập nhau" (Beccaria, 1767, 37). Ngược lại, mối quan hệ giữa con người và Chúa là "quan hệ phụ thuộc" (relations of dependence), và chỉ có Chúa, Đấng Tạo hóa hoàn hảo, mới có quyền vừa là nhà lập pháp vừa là thẩm phán tối cao đối với tội lỗi (Beccaria, 1767, 37). "Mức độ tội lỗi phụ thuộc vào sự ác độc của trái tim, điều mà những sinh vật hữu hạn không thể dò xét được" (Beccaria, 1767, 37). Do đó, việc con người cố gắng áp đặt hình phạt dựa trên tội lỗi tôn giáo là một sự tiếm quyền thiêng liêng, dẫn đến những mâu thuẫn không thể chấp nhận được: "Con người có thể trừng phạt khi Chúa tha thứ, và tha thứ khi Chúa kết án".

Bằng cách loại bỏ các tiêu chuẩn chủ quan, đẳng cấp và tôn giáo, Beccaria đã thể tục hóa triệt để luật hình sự, đưa nó trở về đúng mục đích nguyên thủy theo lý thuyết Khế ước xã hội: bảo vệ sự an toàn và lợi ích chung của xã hội. Thước đo duy nhất và khách quan cho tội phạm chính là mức độ thiệt hại thực tế mà hành vi đó gây ra cho cộng đồng (Beccaria, 1767, 36). Quan niệm này không chỉ cung cấp một nền tảng vững chắc và công bằng cho việc phân loại tội phạm mà còn là cơ sở thiết yếu để xây dựng một hệ thống hình phạt tương xứng, như sẽ được thảo luận ở mục tiếp theo. Nó đánh dấu một bước ngoặt trong tư duy pháp lý, hướng luật hình sự từ sự trừng phạt dựa trên những yếu tố siêu hình hoặc đặc quyền sang việc bảo vệ xã hội dựa trên lý trí và lợi ích công cộng.

3.3. Tính tương xứng của tội phạm và hình phạt

Một trong những đóng góp đột phá và có ảnh hưởng sâu sắc nhất của Beccaria là nguyên tắc tương xứng giữa tội phạm và hình phạt (Sassi, 2024). Ông lập luận rằng, để hệ thống hình phạt có tính răn đe và công bằng, phải có một tỷ lệ cố định giữa tội phạm và hình phạt (Beccaria, 1767, 21). Nguyên tắc này xuất phát trực tiếp từ nền tảng triết học vị lợi của ông. Nếu mục đích

của hình phạt là ngăn ngừa tội phạm, thì mức độ nghiêm khắc của nó phải được tính toán một cách cẩn thận để đạt được hiệu quả tối đa với sự đau đớn tối thiểu. Ông viết: "Để một hình phạt đạt được hiệu quả của nó, chỉ cần sự bất lợi của hình phạt vượt quá lợi ích thu được từ tội ác" (Beccaria, 1767, 99), và "tất cả những gì vượt quá giới hạn này đều là thừa thãi và do đó là chuyên chế" (Beccaria, 1767, 99). Điều này có nghĩa là hình phạt không được quá nhẹ để trở nên vô nghĩa, nhưng cũng không được quá tàn khốc một cách không cần thiết.

Bằng cách đặt thiệt hại xã hội làm tiêu chuẩn duy nhất, Beccaria đã thể tục hóa luật hình sự và hướng nó tới mục tiêu bảo vệ lợi ích chung một cách khách quan. Hậu quả của việc thiếu tương xứng là vô cùng nguy hiểm, bởi nó phá vỡ logic răn đe. Beccaria cảnh báo, "Nếu một hình phạt như nhau được quy định cho hai tội ác gây tổn hại cho xã hội ở các mức độ khác nhau, sẽ không có gì ngăn cản con người phạm tội nặng hơn khi nó đi kèm với lợi ích lớn hơn" (Beccaria, 1767, 26). Nguyên tắc tương xứng, do đó, không chỉ là một yêu cầu về công lý mà còn là một đòi hỏi tất yếu của lý trí nhằm xây dựng một hệ thống ngăn ngừa tội phạm hiệu quả.

3.4. Tính chắc chắn và nhanh chóng của hình phạt

Bên cạnh tính tương xứng, Beccaria còn nhấn mạnh hai yếu tố tâm lý quan trọng khác quyết định hiệu quả răn đe của hình phạt: tính chắc chắn và tính nhanh chóng. Ông nhận ra rằng, đối với tâm trí con người, không phải sự tàn khốc của hình phạt tạo ra tác động lớn nhất, mà là khả năng không thể trốn thoát khỏi nó. Sự chắc chắn của hình phạt, dù là nhỏ, cũng sẽ tạo ra ấn tượng mạnh hơn là nỗi sợ hãi về một hình phạt nghiêm khắc hơn nhưng lại đi kèm với hy vọng trốn thoát (Beccaria, 1767, 98). Hy vọng được miễn trừ, theo ông, là một liều thuốc làm suy yếu sức mạnh của những mối đe dọa tàn khốc nhất. Một hệ thống pháp luật nghiêm khắc nhưng đầy rẫy sự khoan hồng tùy tiện hoặc việc thực thi lỏng lẻo sẽ không thể ngăn chặn tội phạm hiệu quả bằng một hệ thống với những hình phạt ôn hòa hơn nhưng được áp dụng một cách nhất quán và không thể tránh khỏi. Vì vậy, sự cảnh giác của các quan tòa và sự nghiêm khắc không khoan nhượng của các thẩm phán trong việc thực thi luật pháp là điều cần thiết để đảm bảo tính chắc chắn này (Monachesi, 1956).

Cùng với tính chắc chắn, sự nhanh chóng trong việc thi hành án cũng đóng một vai trò thiết yếu. Beccaria, với sự thấu hiểu sâu sắc về tâm lý học liên tưởng, lập luận rằng hình phạt được thi hành càng sớm ngay sau khi tội ác được thực hiện thì sẽ càng công bằng và hữu ích (Beccaria, 1767, 74). Sự hữu ích nằm ở chỗ, khoảng thời gian giữa tội ác và hình phạt càng ngắn, sự liên kết giữa hai ý niệm "Tội ác" và "Trừng phạt" sẽ càng mạnh mẽ và bền vững trong tâm trí con người (Beccaria, 1767, 76-77). Khi một người dân bình thường nghĩ đến việc phạm tội, hình ảnh hấp dẫn về lợi ích có được sẽ ngay lập tức bị át đi bởi ý niệm về một hình phạt tất yếu và cận kề. Ngược lại, sự chậm trễ trong việc thi hành án sẽ phá vỡ mối liên kết tự nhiên này, khiến cho hình phạt trong mắt công chúng không còn là hậu quả cần thiết của tội ác, mà chỉ đơn thuần là một "cảnh tượng khủng khiếp" (Beccaria, 1767, 77). Sự nhanh chóng còn mang ý nghĩa công bằng, bởi nó giúp bị cáo thoát khỏi "sự tra tấn tàn khốc và thừa thãi của sự bất định" (Beccaria, 1767, 75) trong thời gian chờ đợi bản án. Như vậy, bằng cách kết hợp pháp quyền, sự tương xứng, tính chắc chắn và nhanh chóng, Beccaria đã phác thảo nên một mô hình tư pháp hình sự không chỉ nhân đạo hơn mà còn hiệu quả hơn về mặt khoa học, một mô hình được xây dựng trên sự thấu hiểu lý trí và tâm lý con người.

4. Phê phán các hình thức trừng phạt và tổ tụng tàn bạo

Cesare Beccaria, trong kiệt tác kinh điển *Bàn về Tội phạm và Hình phạt*, đã dành phần lớn dung lượng tác phẩm để lên án và phân tích một cách có hệ thống những thực tiễn pháp lý mà ông coi là sản phẩm của sự tàn bạo và phi lý trí, một di sản từ "thời kỳ man rợ" (Beccaria, 1767, 74). Ông không chỉ đơn thuần bày tỏ sự phẫn nộ về mặt đạo đức mà còn xây dựng những lập luận triết học và pháp lý chặt chẽ, dựa trên nền tảng của kế ước xã hội và chủ nghĩa vị lợi, để chứng minh rằng các hình thức trừng phạt và tổ tụng tàn khốc không chỉ vô nhân đạo mà còn phản tác dụng và gây hại cho chính xã hội mà chúng có mục đích bảo vệ. Luận điểm của ông đã tạo ra một cuộc cách mạng trong tư duy luật hình sự (Sassi, 2024, 1), đặt nền móng cho các phong trào cải cách sâu rộng ở châu Âu và Mỹ (Carpenter, 2010, 74), và cho đến nay vẫn là kim chỉ nam cho các cuộc tranh luận về nhân quyền trong tư pháp hình sự (Bessler, 2023, 66). Hai trong số những mục tiêu chính mà ngòi bút sắc bén của Beccaria nhắm đến là án tử hình và việc sử dụng tra tấn cùng

các thủ tục tố tụng bí mật, vốn là những thực tiễn phổ biến và được chấp nhận rộng rãi trong hệ thống tư pháp hình sự châu Âu thế kỷ XVIII (Monachesi, 1956, 441).

4.1. Phản đối án tử hình

Lập luận phản đối án tử hình của Beccaria là một trong những điểm đột phá và có ảnh hưởng sâu sắc nhất trong toàn bộ tác phẩm của ông, trở thành ngọn cờ đầu cho phong trào bãi bỏ án tử hình trên toàn thế giới (Bessler, 2009, 196). Trước hết, ông tấn công vào chính tính hợp pháp của hình phạt này từ góc độ triết học chính trị. Theo lý thuyết Khế ước xã hội của ông, quyền lực của nhà nước bắt nguồn từ sự đồng thuận của các cá nhân, những người đã hy sinh một phần nhỏ nhất tự do của mình để đổi lấy sự an toàn và trật tự (Beccaria, 1767, 18). Tuy nhiên, Beccaria lập luận rằng không một cá nhân nào lại tự nguyện trao cho xã hội cái quyền định đoạt mạng sống của chính mình, vốn là tài sản quý giá và bất khả xâm phạm nhất. Ông đặt ra câu hỏi tu từ đầy sức nặng: "Đã có ai từng trao cho người khác cái quyền được lấy đi mạng sống của mình chưa?" (Beccaria, 1767, 115). Từ đó, ông đi đến kết luận rằng quyền xử tử không thể bắt nguồn từ khế ước xã hội (Beccaria, 1767, 115). Do đó, án tử hình không phải là một "quyền" (right) hợp pháp của nhà nước, mà thực chất là "một cuộc chiến của cả quốc gia chống lại một công dân" (Beccaria, 1767, 115; Harcourt, 2014, 197). Lập luận này đã triệt tiêu nền tảng pháp lý và đạo đức của án tử hình, biến nó từ một công cụ của công lý thành một hành vi bạo lực của quyền lực nhà nước (Harcourt, 2014, 197).

Về mặt thực tiễn, Beccaria cho rằng án tử hình kém hiệu quả hơn hình phạt tù khổ sai. "Cảnh tượng khủng khiếp nhưng nhất thời" (Beccaria, 1767, 117) của một vụ hành quyết dễ bị lãng quên hơn tấm gương kéo dài của một người lao dịch khổ sai. Hơn nữa, nó còn phản tác dụng, là "tấm gương của sự man rợ" (Beccaria, 1767, 124). Ông chỉ ra nghịch lý khi luật pháp "công khai thực hiện hành vi giết người để ngăn chặn các vụ giết người", qua đó làm suy giảm giá trị của sự sống và gián tiếp khuyến khích bạo lực. Tư tưởng này đã ảnh hưởng sâu sắc đến các nhà cải cách sau này, bao gồm cả Thẩm phán Thurgood Marshall của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ, người cũng cho rằng án tử hình mang tính phân biệt đối xử và là một hình phạt tàn khốc, bất thường (Bessler, 2023, 67).

4.2. Phản đối tra tấn và các thủ tục tố tụng bí mật

Song hành với việc lên án án tử hình, Beccaria cũng dành những trang viết gay gắt nhất để phê phán việc sử dụng tra tấn và các thủ tục tố tụng hình sự bí mật, coi chúng là những biểu hiện rõ rệt của một hệ thống tư pháp tùy tiện và phi nhân đạo. Ông vạch trần bản chất của tra tấn là một sự tàn ác được hợp thức hóa, trong đó một người bị trừng phạt trước khi được chứng minh là có tội, vi phạm một cách trắng trợn nguyên tắc cơ bản nhất của công lý: "Không ai có thể bị coi là tội phạm cho đến khi bị kết tội" (Beccaria, 1767, 69). Việc áp đặt sự đau đớn thể xác lên một người bị tình nghi không phải là một phương pháp tìm kiếm sự thật, mà là một hình phạt được áp dụng một cách tùy tiện trước khi có phán quyết của tòa án. Ông gọi nó là "cái nổi nấu kim loại ô nhục của sự thật", một phương pháp man rợ chỉ phù hợp với "luật lệ của thời cổ đại" (Beccaria, 1767, 74; Di Blasio, 2015, 18).

Beccaria chỉ ra rằng tra tấn, bức cung, nhục hình không chỉ tàn ác mà còn là một bài kiểm tra chân lý hoàn toàn không đáng tin cậy. Hiệu quả của nó không phụ thuộc vào sự thật mà phụ thuộc vào sức chịu đựng thể chất và tinh thần của mỗi cá nhân. Kết quả tất yếu là nó sẽ khiến "người mạnh mẽ, cứng rắn thoát tội và người yếu đuối bị kết án", bất kể họ có tội hay vô tội (Beccaria, 1767, 70). Kẻ tội phạm thực sự nhưng có thể chống cự có thể chịu đựng được sự đau đớn và được tuyên vô tội, trong khi một người vô tội nhưng yếu đuối sẽ buộc phải nhận tội để chấm dứt sự hành hạ (Carpenter, 2010, 76). Như vậy, tra tấn không chỉ thất bại trong việc tìm ra sự thật mà còn đảo ngược công lý, đặt người vô tội vào tình thế tội tệ hơn cả kẻ có tội. Lập luận này đã giáng một đòn mạnh mẽ vào tính hợp lý của việc tra tấn, vốn được coi là một công cụ điều tra hữu hiệu trong nhiều thế kỷ ở châu Âu (Bessler, 2009, 198).

Bên cạnh tra tấn, Beccaria cũng kịch liệt phản đối các thủ tục tố tụng bí mật. Ông coi đây là một "sự lạm dụng rõ ràng", một công cụ của chế độ chuyên chế yếu kém, khiến con người trở nên "giả dối và phản bội", sống trong sự nghi kỵ và sợ hãi lẫn nhau (Beccaria, 1767, 65). Một hệ thống mà trong đó một công dân có thể bị buộc tội mà không biết ai là người tố cáo và không có cơ hội đối chất công khai là một hệ thống phi lý và bất công. Để chống lại sự tùy tiện và bí mật này, Beccaria đề cao tầm quan trọng của sự công khai trong tố tụng. Các phiên tòa phải được tiến hành công khai

để dư luận, "thứ xi măng tốt nhất, hoặc có lẽ là duy nhất của xã hội", có thể kiểm chế quyền lực của những kẻ mạnh và cảm tính của thẩm phán (Beccaria, 1767, 64). Sự công khai không chỉ là một đảm bảo cho bị cáo mà còn là một phương tiện để củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống pháp luật, để họ có thể nói rằng: "Chúng ta được pháp luật bảo vệ; chúng ta không phải là nô lệ" (Beccaria, 1767, 64). Những tư tưởng này đã đặt nền móng cho các nguyên tắc tổ tụng hình sự hiện đại như quyền được xét xử công bằng, quyền đối chất và sự cần thiết của một hệ thống tư pháp minh bạch.

5. Kết luận, giá trị thời đại của tác phẩm và liên hệ pháp luật Việt Nam

Tác phẩm Bàn về Tội phạm và Hình phạt của Cesare Beccaria là văn kiện triết học pháp lý đặt nền móng cho luật hình sự hiện đại. Dựa trên khế ước xã hội và chủ nghĩa vị lợi, Beccaria đã định nghĩa lại mục đích hình phạt là ngăn ngừa thay vì trả thù, đồng thời thiết lập các nguyên tắc nền tảng về pháp quyền, tính tương xứng, tính chắc chắn của hình phạt và lên án sự vô nhân đạo của tra tấn cùng án tử hình.

Tầm ảnh hưởng của tác phẩm này là vô cùng to lớn và sâu rộng, vượt ra ngoài biên giới nước Ý và châu Âu. Ngay sau khi ra đời, những tư tưởng của Beccaria đã nhanh chóng lan tỏa và được các nhà cải cách cũng như các bậc quân chủ khai sáng đón nhận nồng nhiệt. Catherine Đại đế của Nga đã mời ông đến để cải cách bộ luật hình sự của Nga (Sassi, 2024, 4). Đại công tước Peter Leopold của Tuscany, lấy cảm hứng từ Beccaria, đã biến Tuscany thành nhà nước đầu tiên trên thế giới bãi bỏ hoàn toàn án tử hình vào năm 1786 (Cadoppi, 2015, 11; Bessler, 2009, 199). Những tư tưởng của ông đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào pháp điển hóa luật hình sự trên khắp châu Âu, thay thế cho một hệ thống luật lệ hỗn loạn, bất định bằng các bộ luật hình sự rõ ràng, hợp lý và nhân đạo hơn, điển hình là Bộ luật Zanardelli của Ý năm 1889 đã bãi bỏ án tử hình. Đặc biệt, di sản của Beccaria đã bén rễ sâu sắc vào mảnh đất tư tưởng của các nhà lập quốc Hoa Kỳ. Các công trình nghiên cứu của John Bessler đã chứng minh một cách thuyết phục rằng những nhà sáng lập Hoa Kỳ như Thomas Jefferson, John Adams, James Madison và Benjamin Franklin đều đã đọc, nghiên cứu và chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Bàn về Tội phạm và Hình phạt (Bessler, 2014). Thomas Jefferson đã sao chép tay 26 đoạn văn từ tác phẩm của Beccaria vào sổ tay của mình và dựa trên các nguyên tắc của ông để soạn thảo dự luật cải cách hình sự cho Virginia. John Adams đã trích dẫn nguyên văn lời của Beccaria khi bào chữa cho những người lính Anh trong phiên tòa Thẩm sát Boston năm 1770 (Bessler, 2009, 208). James Madison đã giới thiệu tác phẩm của Beccaria cho Thư viện Quốc hội. Những tư tưởng này đã định hình nên các điều khoản quan trọng trong Hiến pháp và Tuyên ngôn Nhân quyền Hoa Kỳ, đặc biệt là Tu chính án thứ Tám cấm "các hình phạt tàn ác và bất thường", một điều khoản cho đến nay vẫn là trung tâm của các cuộc tranh luận về án tử hình tại Mỹ.

Tại Việt Nam, dù không có bằng chứng về ảnh hưởng trực tiếp, những nguyên tắc cốt lõi trong tư tưởng của Beccaria vẫn tìm thấy sự tương đồng và giá trị tham khảo trong nền tảng pháp luật hình sự đương đại, đặc biệt trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách tư pháp. Nguyên tắc pháp quyền, yêu cầu luật pháp phải rõ ràng, công khai, được ban hành bởi cơ quan lập pháp đại diện cho ý chí chung và không bị diễn giải tùy tiện bởi thẩm phán, là trụ cột được khẳng định trong Hiến pháp (Hiến pháp, 2013, Điều 2, Điều 8). Hệ quả là nguyên tắc không có tội nếu không có luật và không có hình phạt nếu không có luật, một đòi hỏi căn bản của Beccaria, được ghi nhận là nguyên tắc cơ bản trong Bộ luật Hình sự (Bộ luật Hình sự, 2015, Điều 2). Tư tưởng nhân đạo, thể hiện qua việc Beccaria lên án tra tấn, các hình phạt tàn khốc và ủng hộ sự ôn hòa trong trừng phạt, cũng là một nguyên tắc quan trọng của pháp luật hình sự Việt Nam (Bộ luật Hình sự, 2015, Điều 3). Điều này được cụ thể hóa qua các quy định bảo vệ quyền con người, quyền công dân, đặc biệt là quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm trong Hiến pháp (Hiến pháp, 2013, Điều 14, Điều 19, Điều 20) và việc nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình trong Bộ luật Tố tụng Hình sự (Bộ luật Tố tụng Hình sự, 2015, Điều 10). Việc pháp luật Việt Nam có xu hướng thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình, chỉ áp dụng đối với những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (Bộ luật Hình sự, 2015, Điều 40), và không áp dụng, không thi hành đối với một số đối tượng nhất định như người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai, nuôi con nhỏ, người đủ 75 tuổi trở lên (Bộ luật Hình sự, 2015, Điều 40) cũng cho thấy sự tiếp thu tinh thần nhân đạo và tính hữu dụng mà Beccaria đã phân tích khi

phản đối án tử hình. Nguyên tắc tương xứng giữa tội phạm và hình phạt, dựa trên thước đo thiệt hại xã hội, và yêu cầu cá thể hóa trách nhiệm hình sự, xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng (Bộ luật Hình sự, 2015, Điều 3, Điều 50, Điều 51, Điều 52), cũng phản ánh đòi hỏi về công lý và tính hiệu quả trong răn đe mà Beccaria đã đề xuất. Mục đích phòng ngừa tội phạm, cả phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung, cũng được Bộ luật Hình sự Việt Nam xác định là mục đích chính của hình phạt (Bộ luật Hình sự, 2015, Điều 31).

Hiện nay, những tư tưởng của Beccaria vẫn còn nhiều giá trị gợi mở cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự và tư pháp hình sự. Việc tiếp tục nghiên cứu giảm thiểu áp dụng hình phạt tử hình, hướng tới bãi bỏ trong tương lai là một xu hướng phù hợp với tinh thần nhân đạo mà Beccaria khởi xướng. Đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch và dễ tiếp cận của luật pháp cho mọi công dân vẫn là một yêu cầu cấp thiết để củng cố pháp quyền. Hơn nữa, việc củng cố bảo đảm tố tụng để chống lại sự tùy tiện, bảo vệ quyền của người bị buộc tội, đặc biệt là quyền im lặng, quyền có luật sư bào chữa ngay từ giai đoạn đầu, và đảm bảo tính công khai, nhanh chóng của xét xử, là những khía cạnh mà tư tưởng duy lý và nhân văn của Beccaria tiếp tục soi rọi. Việc nhấn mạnh vào bản chất xã hội của tội phạm thay vì các yếu tố đạo đức hay ý định chủ quan cũng là một định hướng quan trọng để xây dựng chính sách hình sự dựa trên bằng chứng khoa học và hiệu quả thực tế.

Cho đến ngày nay, các nguyên tắc của Beccaria vẫn còn nguyên giá trị. Lập luận của ông chống lại án tử hình tiếp tục là vũ khí lý luận sắc bén cho các phong trào bãi bỏ trên toàn cầu. Lời kêu gọi của ông về một nền tư pháp dựa trên pháp quyền, sự minh bạch, công bằng và tôn trọng nhân phẩm con người đã trở thành nền tảng cho luật nhân quyền quốc tế hiện đại. Cuộc đấu tranh chống lại sự áp dụng luật pháp một cách tùy tiện và phân biệt đối xử chính là sự tiếp nối tinh thần của Beccaria. Tác phẩm của ông không chỉ là một sản phẩm của thời đại Khai sáng, mà đã trở thành một "khái niệm về công lý và nhân đạo" (Sassi, 2024, 6), một di sản bất hủ, tiếp tục soi đường cho nỗ lực xây dựng một thế giới công bằng và văn minh hơn. Như chính Beccaria đã kết luận, một hình phạt chỉ chính đáng khi nó "công khai, nhanh chóng, cần thiết, ở mức tối thiểu có thể trong hoàn cảnh nhất định, tương xứng với tội phạm, và được xác định bởi luật pháp" — một tuyên ngôn vẫn còn nguyên giá trị cho đến tận ngày nay.

Tài liệu tham khảo

- Beccaria, C. (1767). *An Essay on Crimes and Punishments*. J. Almon.
- Bessler, J. D. (2009). Revisiting Beccaria's Vision: The Enlightenment, America's Death Penalty, and the Abolition Movement. *Northwestern Journal of Law & Social Policy*, 4(2), 195-328.
- Bessler, J. D. (2014). *The Birth of American Law: An Italian Philosopher and the American Revolution*. Carolina Academic Press.
- Bessler, J. D. (2023). The Gross Injustices of Capital Punishment: A Torturous Practice and Justice Thurgood Marshall's Astute Appraisal of the Death Penalty's Cruelty, Discriminatory Use, and Unconstitutionality. *Washington and Lee Journal of Civil Rights and Social Justice*, 29(2), 65-150.
- Cadoppi, A. (2015). Cesare Beccaria, John Bessler and the Birth of Modern Criminal Law. *University of Baltimore Journal of International Law*, 3(2), 1-29.
- Carpenter, A. N. (2010). Beccaria, Cesare: Classical School. In F. T. Cullen & P. Wilcox (Eds.), *Encyclopedia of Criminological Theory* (pp. 74-78). SAGE Publications, Inc.
- Di Blasio, M. P. (2015). La forza dirompente de Dei Delitti e Delle Pene di Cesare Beccaria. Il vigore dei canoni ermeneutici scolpiti del più famoso trattato di diritto penale. *Giurisprudenza Penale*, 1-33.
- Garlati, L. (2016). Echi del passato e istanze riformiste: Beccaria e il processo penale. *Diritto Penale Contemporaneo*, 1-12.
- Harcourt, B. E. (2014). Beccaria's On Crimes and Punishments: A Mirror on the History of the Foundations of Modern Criminal Law. In M. D. Dubber (Ed.), *Foundational Texts in Modern Criminal Law* (pp. 39-59). Oxford University Press.
- Monachesi, E. (1956). Pioneers in Criminology IX--Cesare Beccaria (1738-1794). *Journal of Criminal Law and Criminology*, 46(4), 439-449.
- Sassi, V. (2024). 'Beccaria who?': A brief look at the life and thought of Cesare Beccaria. *DPRU Research Paper No. 5*, Death Penalty Research Unit (DPRU), University of Oxford, 1-10.